

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/19 /STC-NSNN

Đồng Nai, ngày 11 tháng 7 năm 2017

V/v xây dựng dự toán ngân sách nhà
nước năm 2018

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/07/2017 về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 6898/UBND-TH ngày 17/07/2017 về triển khai Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

Sở Tài chính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu nội dung 2 văn bản trên, hướng dẫn các đơn vị dự toán, các cấp ngân sách (huyện, xã) đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước năm 2017, xây dựng dự toán năm 2018; thực hiện tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước của tỉnh năm 2017, xây dựng dự toán năm 2018 tập trung vào các nội dung sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước năm 2017.

1. Công tác bố trí và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2017:

a) Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công (nếu có) theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Tình hình phân bổ, giao dự toán chi ĐTPT năm 2017: Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTPT cho các dự án, công trình trong năm 2017 theo Luật Đầu tư công; thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản (XDCB) thuộc nguồn NSNN..

c) Tình hình thực hiện chi ĐTPT năm 2017: Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTPT năm 2017, bao gồm giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II/2017 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2016, kế hoạch vốn và ước thực hiện năm 2017, kèm theo thuyết minh).

Tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), chương trình mục tiêu (CTMT), các chương trình dự án sử dụng nguồn vốn ODA (viện trợ ODA và vay ODA) và vốn vay ưu đãi (tiến độ giải ngân, khả năng đảm bảo vốn đối ứng). Riêng các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và/hoặc vay ưu đãi, trường hợp xác định khả năng giải ngân vượt dự toán được giao (nếu có), thì phải có báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ để điều chỉnh trong phạm vi dự toán tổng nguồn vốn nước ngoài được giao, hoặc trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung dự toán trước khi thực hiện nếu vượt dự toán tổng nguồn vốn nước ngoài được giao.

d) Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB nguồn NSNN (bao gồm cả trái phiếu Chính phủ (TPCP)) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012, số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 và số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015: Số nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, số thu hồi trong năm 2017, ước số còn nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (chi tiết từng dự án).

đ) Số vốn NSNN đã ứng trước cho các dự án đầu tư đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa có nguồn thu hồi.

e) Tình hình vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương (kể cả nguồn tạm ứng tồn ngân Kho bạc nhà nước) để thực hiện các dự án, công trình đầu tư cơ sở hạ tầng, gồm:

- Số dư nợ đầu năm, số vay đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, ước số vay cả năm, chi tiết theo mục đích vay (vay trả nợ gốc, vay bù đắp bội chi) và theo từng nguồn vốn (phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo từng nhà tài trợ và chương trình, dự án; vay tín dụng ĐTPT của Nhà nước; vay tồn ngân kho bạc nhà nước; vay khác) .

- Tình hình thực hiện trả nợ (lãi, phí) đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 chi tiết theo từng nguồn vốn nêu trên.

- Tình hình trả nợ gốc các khoản vay, chi tiết theo từng nguồn (vay mới trả nợ cũ, từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi).

- Dư nợ cuối năm theo kế hoạch và ước thực hiện, chi tiết theo từng nguồn vốn nêu trên.

g) Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6/2017 và dự kiến đến hết năm 2017; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

h) Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, và việc phân bổ lập quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ.

i) Đánh giá tình hình thu, chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết (XSKT); việc sử dụng số thu từ hoạt động XSKT đầu tư các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của địa phương, trong đó tập trung đầu tư cho các công trình thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng nông nghiệp nông thôn theo quy định.

l) Đánh giá vướng mắc trong quản lý đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, kiến nghị giải pháp xử lý.

2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển:

a) Tình hình thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

b) Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa (tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

3. Đánh giá tình hình thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước.

a) Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi CTMTQG, CTMT (bao gồm dự toán năm 2017 và số dự toán năm 2016 chuyển nguồn thực hiện năm 2017 - nếu có); thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện:

- Tình hình thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới: kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSDP, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn huy động khác), số xã hoàn thành mục tiêu chương trình; trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

- Tình hình thực hiện CTMTQG giảm nghèo: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSDP, các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

- Tình hình thực hiện các CTMT: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSDP và các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

b) Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các chương trình, dự án khác sử dụng vốn ngoài nước (bao gồm cả dự án ô), chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị (nếu có).

4. Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. Xây dựng dự toán năm 2018.

1. Xây dựng dự toán chi ĐTPT:

a) Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN được xây dựng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13) và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg).

b) Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện CTMTQG, dự án quan trọng quốc gia, CTMT, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; (ii) vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; (iii) chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định (ưu tiên thực hiện các dự án mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, các địa phương chịu

ảnh hưởng sự cố môi trường biển; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm liên ngành, liên lĩnh vực để thực đẩy phát triển kinh tế, tăng trưởng GDP).

c) Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, CTMTQG Nông thôn mới;

d) Ưu tiên bố trí nguồn Xổ số kiến thiết đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, CTMTQG nông thôn mới, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình phúc lợi xã hội khác theo quy định của cấp có thẩm quyền. Bố trí tối thiểu 10% cho CTMTQG xây dựng nông thôn mới. Sau khi đã bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực nêu trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số thu còn lại (nếu có) bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP. Số tăng thu thực hiện từ hoạt động XSKT so với dự toán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao (nếu có), chủ động phân bổ chi đầu tư cho các công trình quan trọng, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế và nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Xây dựng dự toán chi thực hiện các CTMTQG, CTMT:

a) Đối với các CTMTQG và các CTMT đã được phê duyệt:

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt từng CTMTQG, CTMT, hướng dẫn bổ sung của cơ quan quản lý chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSDP, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan chủ chương trình theo quy định.

Dự toán phải kèm thuyết minh chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, nhiệm vụ.

b) Đối với các CTMT chưa có quyết định phê duyệt:

Căn cứ hướng dẫn của cơ quan quản lý chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSDP, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan chủ chương trình theo quy định.

3. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

Thực hiện lập dự toán ngân sách năm 2018 theo quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Căn cứ Hiệp định, thỏa thuận viện trợ đã ký với nhà tài trợ, khả năng thực hiện năm 2017, cơ chế tài chính của chương trình, dự án, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương lập dự toán chi NSNN từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ, trong đó chi tiết vốn vay, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng của từng chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn (vốn ĐTPT và vốn sự nghiệp) theo các lĩnh vực chi tương ứng.

Dự toán chi ngân sách từ nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài phải phù hợp với các cam kết đã ký với nhà tài trợ, khả năng bố trí vốn đối ứng và tiến độ thực hiện; hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán được giao trong tổ chức thực hiện. Đối với các chương trình, dự án mới, chỉ triển khai nếu thực sự hiệu quả, phù hợp với khả năng giải ngân theo Hiệp định đã ký và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại, chủ chương trình, dự án phải hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

Các chương trình, dự án, do một số bộ, cơ quan trung ương và các địa phương cùng tham gia, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước gửi cơ quan chủ quản chương trình, dự án tổng hợp và thuyết minh cơ sở phân bổ gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Đối với các chương trình, dự án ô, các cơ quan chủ dự án thành phần có trách nhiệm xây dựng dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án thành phần, gửi cơ quan chủ quản chương trình, dự án, tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chi tiết theo nguồn vốn, theo nhiệm vụ như các chương trình, dự án thông thường và theo bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

Lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước phải đảm bảo đúng, đủ và trong phạm vi hạn mức quy định tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

4. Xây dựng dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay và trả nợ gốc của NSDP:

Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay và trả nợ gốc của NSDP năm 2018 thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; trong đó cần chú ý một số nội dung sau:

a) Ngân sách cấp tỉnh từng địa phương chỉ được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Căn cứ giới hạn dư nợ công, khả năng vay vốn trong nước, bố trí nguồn trả nợ, Bộ Tài chính đề xuất mức bội chi NSNN nói chung, trong đó có mức bội chi của NSTW và bội chi của NSDP, mức bội chi của từng địa phương (nếu có), để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với các địa phương được phép bội chi thì số vay bù đắp bội chi phải đảm bảo tối thiểu 60% là vay trung và dài hạn, chi tiết theo từng nguồn vốn vay.

b) Trên cơ sở mức dư nợ của NSDP đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, nhu cầu vay vốn cho ĐTPT năm 2018 và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP, phải đánh giá đầy đủ tác động của nợ NSDP trước khi đề xuất, quyết định các khoản vay mới, đảm bảo mức dư nợ vay của địa phương không vượt quá mức dư nợ tối đa theo chế độ quy định;

Trường hợp hạn mức dư nợ của NSDP ước đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 vượt mức chế độ quy định, thì trong dự toán ngân sách 2018 phải giảm kế hoạch chi đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để bố trí tăng chi trả nợ gốc, bảo đảm mức dư nợ không vượt quá giới hạn dư nợ của địa phương theo quy định.

Trường hợp các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại hoặc các khoản vay khác có điều kiện ràng buộc về mục tiêu sử dụng, phải chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương hoặc các đơn vị có liên quan hoàn thiện các thủ tục ký kết các thỏa thuận vay để có đủ cơ sở bố trí kế hoạch giải ngân vốn vay trong dự toán năm 2018, dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSDP cho phù hợp. Trường hợp, có kế hoạch vay để trả nợ gốc (không có bội chi hoặc số vay lớn hơn số bội chi), nhưng thực tế khoản vay mới có ràng buộc về mục đích sử dụng, thì phải lập kế hoạch giảm chi ĐTPT tương ứng và/hoặc sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP để trả nợ gốc đến hạn trong năm 2018 và dùng nguồn vay mới để bù vào cho chi ĐTPT.

Trường hợp tổng hợp kế hoạch giải ngân nguồn vay nước ngoài Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại theo các thỏa thuận vay đã ký làm cho số dư nợ của NSDP cao hơn giới hạn theo quy định, thì phải có kế hoạch bố trí tăng chi trả nợ gốc các khoản nợ khác để đảm bảo giải ngân vốn nước ngoài theo các thỏa thuận đã ký, đồng thời đảm bảo mức bội chi NSDP, tổng mức vay của NSDP và dư nợ của NSDP trong giới hạn theo quy định.

c) Chủ động bố trí chi trả nợ gốc từ các nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo trả nợ đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn, đặc biệt là các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại, đồng thời đảm bảo dư nợ NSDP trong giới hạn theo quy định; kèm theo thuyết minh số chi trả nợ gốc chi tiết theo nguồn vốn vay quy định tại điểm h khoản 2 Điều này (nếu có) và nguồn chi trả, như: vay mới trả nợ cũ, từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi NSDP.

III. Lập biểu mẫu báo cáo, xây dựng dự toán NSNN năm 2018.

Sở Kế hoạch và Đầu tư lập biểu mẫu báo cáo, xây dựng dự toán NSNN năm 2018 theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC, cụ thể: mẫu số: 08, 09, 11.2, 23, 24, 25, 26, 27, 30, 32, 33, 34.

Đối với biểu mẫu đánh giá, xây dựng dự toán trình HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/03/2017 về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm

Sở Tài chính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, thực hiện, gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 10/08/2017. *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc Sở;
- Lưu VT, NSNN.

Phúc

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thanh Bình